

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/KDTM-ST

Ngày: 22-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH SX-TM HD; Địa chỉ trụ sở: Số C, đường số T, phường B, quận B, Tp. HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lại Huy T, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019)

- Bị đơn: Công ty TNHH XD P; Địa chỉ trụ sở: Số B, đường số M, Phường C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Nguyễn Văn K - Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ cư trú: Số Đ, đường số C, Phường C, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM HĐ (sau đây gọi tắt là Công ty HĐ) có ông Lại Huy T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/03/2018, Công ty HĐ có ký Hợp đồng thi công số 01/HĐKT/HĐ-2018 với Công ty TNHH XD P (sau đây gọi tắt là Công ty P). Theo đó Công ty HĐ tham gia thi công Vách kích cố định, khung nhôm của các hạng mục Vách kính mặt ngoài các trục 1, trục 4, trục O, trục A tại công trình CH3-CityLand, địa chỉ số 18 Phan Văn Trị, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 1.651.289.794 đồng, giá trị quyết toán theo khối lượng thi công thực tế, đơn giá cố định. Ngoài các hạng mục thi công được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty P đã yêu cầu và Công ty HĐ thi công thêm và hoàn thành đối với các hạng mục sau: Sảnh thang máy khu 1; Sảnh thang máy khu 2; Hành lang trục H-I; Tầng hầm; Cầu thang S1 và S2. Khối lượng mà Công ty HĐ thi công thực tế có sự xác nhận của đại diện ban chỉ huy công trình và của đội thi công. Căn cứ Hợp đồng thi công số 01/HĐKT/HĐ-2018 ngày 02/03/2018 và khối lượng thi công thực tế đã được các bên có liên quan xác nhận, Công ty HĐ đã tổng hợp, diễn giải chi tiết và gửi Hồ sơ thanh toán đến Công ty P. Do Công ty P không có phản hồi nên ngày 02/06/2018, Công ty HĐ đã gửi toàn bộ hồ sơ quyết toán công trình đến Công ty P qua các địa chỉ email xaydungnguyenkhuong@gmail.com, pmc.cons2013@gmail.com, đây là các địa chỉ email mà Công ty P dùng để trao đổi công việc với Công ty HĐ trong quá trình thực hiện hợp đồng. Mặc dù không nhận được phản hồi từ Công ty P nhưng đến ngày 14/06/2018, Công ty P vẫn thanh toán cho Công ty HĐ số tiền là 499.725.000 đồng. Sau đó ngày 02/8/2018, hai bên có tiến hành làm việc trực tiếp, Công ty HĐ vẫn tiếp tục đề nghị Công ty P thanh toán, quyết toán theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên sau đó, Công ty P không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Công ty HĐ.

Tính đến tháng 6/2018, Công ty P đã 04 lần thanh toán cho Công ty HĐ với tổng giá trị là 1.559.579.864 đồng, cụ thể như sau:

- Đợt 1 ngày 13/03/2018 thanh toán 329.854.864 đồng.
- Đợt 2 ngày 10/04/2018 thanh toán 500.000.000 đồng.
- Đợt 3 ngày 11/05/2018 thanh toán 230.000.000 đồng.
- Đợt 4 ngày 14/06/2018 thanh toán 499.725.000 đồng

Căn cứ theo Phụ lục Hợp đồng thi công số 01-1/HĐKT/HĐ/2018 (đề ngày 08/07/2018) ghi nhận khối lượng phát sinh là 1.069.165.318 đồng. Như vậy, tổng giá trị thi công là 2.720.455.112 đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm

năm mươi lăm nghìn một trăm mười hai đồng). Sau khi trừ đi số tiền Công ty P đã thanh toán cho Công ty HD là 1.559.579.864 đồng, Công ty P còn phải thanh toán số tiền là: 1.160.875.248 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng).

Công ty HD đã nhiều lần liên hệ với Công ty P nhưng không nhận được phản hồi. Công ty P cố tình tránh né, không thanh toán dứt điểm công nợ giữa hai bên nên Công ty HD đã nộp đơn khởi kiện Công ty P tới Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đề yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ cụ thể như sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH XD P thanh toán cho Công ty HD số tiền phát sinh từ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng thi công số 01/HĐKT/HĐ-2018 ngày 02/03/2018, số tiền công ty PMC chưa thanh toán cho Công ty HD là 1.160.875.248 (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng.

- Yêu cầu Công ty TNHH XD P phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 1.160.875.248 đồng, thời gian chậm trả được tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm với mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

- Công ty HD rút yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền là 139.254.613 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH XD P và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi đối với thời gian chậm trả là 64 tháng. Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là “tranh chấp hợp đồng thi công” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn - Công ty P và người đại diện theo pháp luật - ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt và đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn là Công ty P và người đại diện theo pháp luật – ông Nguyễn Văn K biết thông tin văn bản cần được cấp, tổng đạt như: giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn và người đại diện theo pháp luật vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngày 02/03/2018, giữa Công ty HĐ và Công ty P có ký với nhau Hợp đồng thi công số 01/HĐKT/HĐ-2018. Giá trị hợp đồng các bên thỏa thuận tạm tính là 1.651.289.794 đồng. Công ty HĐ đã thi công theo đúng những hạng mục thỏa thuận trong hợp đồng, ngoài ra còn thi công thêm những hạng mục như: Sảnh thang máy khu 1; Sảnh thang máy khu 2; Hành lang trục H-I; Tầng hầm; Cầu thang S1 và S2. Khối lượng mà Công ty HĐ thi công thực tế có sự xác nhận của đại diện ban chỉ huy công trình và của đội thi công. Sau khi căn cứ vào Hợp đồng và khối lượng thi công thực tế thì Công ty HĐ đã tổng hợp, diễn giải chi tiết và gửi Hồ sơ quyết toán cho Công ty P theo đúng nội dung làm việc giữa hai bên vào ngày 02/8/2018.

Căn cứ vào Vi bằng số 192/2025/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại Gia Định lập ngày 05/4/2025 thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa Công ty HĐ và Công ty P thường xuyên trao đổi công việc qua các địa chỉ email xaydungnguyenkhuong@gmail.com, pmc.cons2013@gmail.com và Công ty HĐ đã gửi toàn bộ hồ sơ quyết toán đến Công ty P qua hai địa chỉ email như trên. Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014 quy định: “*Bên nhận thầu có trách nhiệm quyết toán hợp đồng xây dựng với bên giao thầu phù hợp với loại hợp đồng và hình thức giá hợp đồng áp dụng. Nội dung quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng*”. Như vậy Công ty HĐ đã thực hiện việc gửi hồ sơ quyết toán theo đúng quy định pháp luật nhưng không nhận được phản hồi từ phía Công ty P. Hiện tại công trình đã được đưa vào sử dụng ổn định từ năm 2018 đến nay nhưng phía Công ty P vẫn không quyết toán công trình để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty HĐ mặc dù Công ty HĐ nhiều lần yêu cầu. Việc Công ty P không thực hiện việc quyết toán công trình là vi phạm quy định của Luật Xây dựng.

Căn cứ theo Phụ lục Hợp đồng thi công số 01-1/HĐKT/HĐ/2018, (Đề ngày 08/07/2018) ghi nhận khối lượng thi công phát sinh là 1.069.165.318 đồng. Căn cứ vào Bảng quyết toán thực tế thi công thì tổng giá trị thi công là 2.720.455.112 (Hai tỷ bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn một trăm mười hai) đồng. Sau khi trừ đi số tiền Công ty P đã thanh toán cho Công ty HĐ qua 4 đợt với tổng số tiền là 1.559.579.864 đồng thì Công ty P còn phải thanh toán cho Công ty HĐ số tiền là: 1.160.875.248 (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng.

Căn cứ Điều 21 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 quy định về hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng: “*Quyết toán hợp đồng là việc xác định tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng xây dựng mà bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho bên nhận thầu khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng*”. Nhận thấy, Công ty P không thực hiện quyết toán công trình làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty HĐ. Công ty P đã

nhận được toàn bộ hồ sơ quyết toán công trình nhưng cũng không có ý kiến phản đối. Việc Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty HĐ là vi phạm quy định tại Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ là 1.160.875.248 (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi tám) đồng.

2.2. Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán:

Nhận thấy, Công ty HĐ đã hoàn thành việc thi công và công trình đã được đưa vào sử dụng ổn định từ năm 2018. Tuy nhiên, phía Công ty P không thực hiện quyết toán hợp đồng nhằm kéo dài thời hạn thanh toán là vi phạm quy định của pháp luật. Do đó, Công ty HĐ yêu cầu Công ty P trả lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với thời gian trễ hạn là 64 tháng. Xét thấy, đây là ý chí hoàn toàn tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào các thông tin lãi suất mà Tòa án đã thu thập được tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Gia định; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14.5%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất là 10%/năm. Mức lãi suất nguyên đơn áp dụng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: $1.160.875.248 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 64 \text{ tháng} = 619.133.465 \text{ đồng}$.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” và quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty HĐ buộc Công ty P trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.780.008.713 (một tỷ bảy trăm tám mươi triệu không trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Công ty HĐ yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn vi phạm

nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu Công ty P phải thanh toán số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Công ty HD rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 139.254.613 đồng. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí là 65.400.261 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 94, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ Điều 21 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 quy định về hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX-TM HD.

Buộc Công ty TNHH XD P phải thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Huỳnh Đạt số tiền là 1.780.008.713 (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu không trăm linh tám nghìn bảy trăm mười ba) đồng. Trong đó: nợ gốc 1.160.875.248 (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn

hai trăm bốn mươi tám) đồng; tiền lãi 619.133.465 (Sáu trăm mười chín triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 139.254.613 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH TNHH Xây dựng P.M.C phải chịu số tiền án phí là 65.400.261 (sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn hai trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Huỳnh Đạt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.981.340 (Hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi một nghìn ba trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0025454 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kiều Oanh

